

Ngày: 03/8/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tam.

*Các hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Trần Thiện Thắng.

+ Ông Phạm Phú Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hoàng Sa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phan Duy Công, Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 20/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo: **Lưu Văn T**, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1982 tại xã QL, Nông Sơn, Quảng Nam; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: thôn LĐ, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Xây dựng; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lưu Văn N, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1958; vợ: Trương Quỳnh S, sinh năm: 1987; con nhỏ nhất sinh 2016. Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Hà Thị Thúy K**, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1988 tại xã QL, Nông Sơn, Quảng Nam; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: thôn LT, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH LTP; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Hà Ngọc X, sinh năm: 1966 và bà Trương Thị L, sinh năm: 1964; chồng: Lê Trần V, sinh năm: 1988; có một con, sinh năm 2015. Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo: **Võ Thị Ngọc L**, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1985 tại thị trấn ĐP, Quế Sơn, Quảng Nam; nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố TA, thị trấn ĐP, Quế Sơn, Quảng Nam; nghề nghiệp: Kế toán; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Võ Văn V (đã chết) và bà Hồ Thị Tuyết H, Sinh

năm: 1952; chồng: Nguyễn Kỳ S, sinh năm: 1981; Tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn C và bà Lê Thị T: Giám đốc và Phó Giám Đốc Công ty TNHH CT;

Địa chỉ: Tổ dân phố TA, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt có lý do (có đơn xin vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L, Phó Giám Đốc Công ty TNHH NĐC;

Địa chỉ: Thôn TP, xã ĐM, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị M, Kế toán Công ty TNHH NĐC; địa chỉ: Thôn TL, xã ĐM, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Hồ H, Giám đốc Công Ty TNHH PNH;

Địa chỉ: Tổ 9, thôn ND, xã ĐP, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam.

+ Bà Lê Thị T, Kế toán Công Ty TNHH PNH;

Địa chỉ: Thôn TL, xã QP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (gọi tắt là Công ty TNHH) LTP, có địa chỉ tại thôn LĐ, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có mã số doanh nghiệp 4000799693 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/02/2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 16/12/2013, ngành nghề kinh doanh chính: xây dựng công trình dân dụng; người đại diện theo pháp luật của Công ty là bị cáo **Lưu Văn T**, chức danh: Giám đốc.

Trong các năm 2018, 2019 và năm 2020, Công ty TNHH LTP thực hiện thi công các công trình xây dựng trên địa bàn huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Quá trình tổ chức thi công Công ty đã mua cát, đá dăm cấp phối không có nguồn gốc hợp pháp nên không có hóa đơn để đưa vào chi phí thi công công trình. Để hợp thức hóa chi phí đầu vào công trình để quyết toán công trình thì bị cáo Lưu Văn T đã thống nhất cho bị cáo Hà Thị Thúy K là Kế toán của Công ty mua trái phép hóa đơn ghi mặt hàng xi măng để kê khai vật liệu chi phí đầu vào thi công công trình để bù vào khối lượng cát, đá dăm đã mua không có hóa đơn. Để mua hóa đơn trái phép, bị cáo K đã liên hệ với bị cáo Võ Thị Ngọc L, là kế toán của Công ty TNHH CT có trụ sở tại thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam để mua 27 (hai mươi bảy) hóa đơn trái phép với mặt hàng là xi măng. Công ty TNHH CT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có mã số doanh nghiệp 4000401337 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/6/2004, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông

Nguyễn C, chức danh: Giám đốc. Quá trình mua hóa đơn, bị cáo K và bị cáo L thống nhất với nhau số tiền mua bán hóa đơn mà bị cáo K phải trả cho bị cáo L là 02% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn, nội dung ghi trên hóa đơn do bị cáo K cung cấp và khi nhận hóa đơn thì bị cáo K thanh toán bằng tiền mặt cho bị cáo L. Tổng số tiền bị cáo K đã thanh toán cho bị cáo L liên quan đến việc mua trái phép 27 hóa đơn nêu trên là 9.300.000 đồng. Số tiền này bị cáo L dùng để tiêu xài cá nhân. Những hóa đơn mua trái phép được bị cáo K đánh dấu để theo dõi, cụ thể: trên bảng thống kê hoá đơn, dịch vụ mua vào K chèn thêm cột “*Dư*” và đánh dấu “X” vào những hoá đơn mua trái phép. Những hóa đơn mua trái phép này (27 hóa đơn) được công ty TNHH LTP hạch toán chi phí đầu vào của 03 (ba) công trình. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Công trình kiên cố mặt đường tuyến ĐH11.NS, xã QL, huyện Nông Sơn 06 (sáu) hóa đơn với số tiền ghi trên các hóa đơn là: 103.636.362 đồng, cụ thể:

1/ Hóa đơn số 0000366 ngày 20/9/2018, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.113.637 đồng (thay cát).

2/ Hóa đơn số 0000523 ngày 07/11/2018, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.304.545 đồng (thay cát).

3 Hóa đơn số 0000556 ngày 16/11/2018, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.304.545 đồng (thay cát).

4/ Hóa đơn số 0000596 ngày 04/12/2018, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.304.545 đồng (thay cát).

5/ Hóa đơn số 0000639 ngày 18/12/2018, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.304.545 đồng (thay đá).

6/ Hóa đơn số 0000645 ngày 20/12/2018, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.304.545 đồng (thay đá).

Thứ hai: Công trình kiên cố mặt đường tuyến ĐH7.NS, xã QN, huyện Nông Sơn 05 (năm) hóa đơn với số tiền ghi trên các hóa đơn là: 86.400.002 đồng, cụ thể:

1/ Hóa đơn số 0000698 ngày 02/01/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.522.728 đồng (thay cát).

2/ Hóa đơn số 0000728 ngày 17/01/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.522.728 đồng (thay cát).

3/ Hóa đơn số 0000100 ngày 05/7/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay cát).

4/ Hóa đơn số 0000211 ngày 12/8/2019 giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay đá).

5/ Hóa đơn số 0000238 ngày 22/8/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay đá).

Thứ ba: Công trình kiên cố hoá mặt đường tuyến ĐH1, xã QL, Nông Sơn, Quảng Nam: 16 (*mười sáu*) hóa đơn với số tiền ghi trên các hóa đơn là: 278.777.272 đồng, cụ thể:

1/ Hóa đơn số 0000301 ngày 10/9/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.931.818 đồng (thay đá).

2/ Hóa đơn số 0000318 ngày 19/9/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.931.818 đồng (thay đá).

3/ Hóa đơn số 0000324 ngày 19/9/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.931.818 đồng (thay đá).

4/ Hóa đơn số 0000376 ngày 07/10/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay đá).

5/ Hóa đơn số 0000498 ngày 13/11/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay đá).

6/ Hóa đơn số 0000519 ngày 19/11/2019, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay đá).

7/ Hóa đơn số 0000693 ngày 01/01/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay đá).

8/ Hóa đơn số 0000795 ngày 22/2/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay cát).

9/ Hóa đơn số 0000977 ngày 02/5/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay cát).

10/ Hóa đơn số 0000101 ngày 08/6/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay cát).

11/ Hóa đơn số 0000202 ngày 15/7/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay cát).

12/ Hóa đơn số 0000219 ngày 22/7/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.118.182 đồng (thay cát).

13/ Hóa đơn số 0000286 ngày 16/8/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.729.545 đồng (thay cát).

14/ Hóa đơn số 0000340 ngày 05/9/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.729.545 đồng (thay cát).

15/ Hóa đơn số 0000452 ngày 23/10/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.729.545 đồng (thay cát).

16/ Hóa đơn số 0000620 ngày 18/12/2020, giá trị hàng trước thuế ghi trên hóa đơn là 17.729.545 đồng (thay cát).

Tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên 27 hóa đơn là 468.813.636 đồng (*Bốn trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm mười ba nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng*).

Việc sử dụng 27 hóa đơn trái phép trên để hạch toán thay thế khối lượng cát, đá dăm không có hóa đơn đã giúp công ty TNHH LTP hưởng lợi được 8% giá trị hàng hóa trước thuế (Lẽ ra công ty TNHH LTP phải nộp 10% thuế giá trị gia tăng nhưng việc mua hóa đơn trên thì chỉ bỏ ra chỉ 02% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn). Như vậy, số tiền công ty TNHH LTP hưởng lợi là 37.505.090 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ năm nghìn không trăm chín mươi đồng*).

Quá trình điều các bị cáo Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Cáo trạng số 11/CT-VKSNS ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo với Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

#### **\* Vật chứng thu giữ trong vụ án:**

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Sơn đã thu giữ số tiền: 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) do bị cáo Võ Thị Ngọc L nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo Lưu Văn T và Võ Thị Ngọc L đã nộp số tiền hưởng lợi từ hành vi mua bán hóa đơn là 37.505.090 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

#### **Về tình tiết liên quan đến vụ án:**

- Đối với công ty TNHH CT do ông Nguyễn C làm Giám đốc và bà Lê Thị T làm Phó Giám đốc và Võ Thị Ngọc L là kế toán phụ trách việc bán hàng, xuất hóa đơn. Quá trình L xuất hóa đơn thì không báo cho bà T biết (bà T được ông C giao nhiệm vụ quản lý, điều hành). Bà T chỉ quản lý, cân đối hàng hóa đầu vào và đầu ra chứ không trực tiếp kiểm tra xuất hóa đơn cho ai, khi xuất hàng thì có phiếu bán hàng. Do vậy, việc ký hóa đơn xuất của ông C là do tin tưởng L chứ không biết được việc L xuất bán trái phép hóa đơn. Các hóa đơn trên có được là xuất phát từ việc một số cá nhân mua hàng nhưng không lấy hóa đơn nên đã làm dư ra một lượng hóa đơn, từ đây L đã lợi dụng để xuất khống hóa đơn. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn C và bà Lê Thị T về hành vi “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

- Đối với công ty TNHH NĐC có trụ sở tại xã ĐM, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ban đầu, Hà Thị Thúy K khai có mua trái phép 11 hóa đơn của công ty TNHH NĐC. Tuy nhiên, sau đó K đã kiểm tra sổ sách, chứng từ thì 11 hóa đơn K khai cũng như toàn bộ hóa đơn mua của công ty TNHH NĐC đều có hàng hóa thực tế. Ngoài ra, qua làm việc với kế toán, thủ kho của công ty TNHH NĐC thì xác định có việc mua bán hàng hóa thực tế kèm theo hóa đơn và không có hành vi mua bán hóa đơn trái phép. Do vậy, lời khai ban đầu của K là không đúng nên Cơ quan CSĐT không xem xét xử lý đối với 11 hóa đơn trên.

Ngoài ra, Hà Thị Thúy K còn khai có mua 02 hóa đơn của công ty TNHH PNH, có trụ sở tại xã ĐP, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế tại công ty TNHH PNH thì hai hóa đơn trên có hàng hóa thực tế. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với việc mua hai hóa đơn trên.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSNS ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các **Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L** về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Bản cáo trạng, khẳng định việc truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xem xét vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thị Thúy K từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc L từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

- \* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) do bị cáo Võ Thị Ngọc L nộp lại số tiền thu lợi bất chính; và 37.505.090 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) do bị cáo Lưu Văn T nộp lại số tiền hưởng lợi từ hành vi mua bán hóa đơn.

Bị cáo không bào chữa gì, nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mong HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình và chiếu cố, giảm nhẹ hình phạt đề bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Trong các năm 2018, 2019 và năm 2020 Công ty TNHH LTP thực hiện thi công các công trình xây dựng tại huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Quá trình tổ chức thi công đã mua cát, đá dăm cấp phối không có nguồn gốc hợp pháp nên không có hóa đơn để đưa vào chi phí thi công công trình. Để hợp thức hóa chi phí đầu vào công trình để quyết toán thì bị cáo Lưu Văn T đã chỉ đạo cho bị cáo Hà Thị Thúy K kế toán của công ty mua trái phép hóa đơn xi măng để kê khai chi phí đầu vào. Hà Thị Thúy K đã liên hệ với bị cáo Võ Thị Ngọc L là kế toán của Công ty TNHH CT mua 27 (hai mươi bảy) hóa đơn trái phép với mặt hàng là xi măng. Tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên 27 hóa đơn là 468.813.636 đồng. Bị cáo Võ Thị Ngọc L đã thu lợi từ việc bán trái phép 27 hóa đơn nêu trên là 9.300.000 đồng và Công ty TNHH LTP hưởng lợi từ hành vi mua bán hóa đơn là 37.505.090 đồng.

*Với hành vi nêu trên HĐXX đủ cơ sở kết luận:* các bị cáo với **Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L** về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, cáo trạng số 11/CT-VKSNS ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Khi thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo có tính chất ít nghiêm trọng đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh gia đình và vai trò của bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Thành khẩn khai báo và tỏ rõ sự ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính cho Nhà nước (Bị cáo Lưu Văn T và bị cáo Hà Thị Thúy K là 37.505.000 đồng, bị cáo Võ Thị Ngọc L là 9.300.000 đồng) quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Riêng cha bị cáo Võ Thị Ngọc L là ông Võ Văn V, người có công với Cách mạng

(Huân chương giải phóng hạng Nhì) và bị cáo Lưu Văn T có công đóng góp (xã hội hóa) cho việc phát triển và phòng chống Covid-19 tại địa phương xã QL (Có xác nhận của xã QL) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án có nhiều đối tượng tham gia, nhưng tự phát, không có sự chuẩn bị, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể, nên xác định là đồng phạm giản đơn. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lưu Văn T và bị cáo Hà Thị Thúy K có vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo Lưu Văn T là người thống nhất chỉ đạo cho bị cáo K mua trái phép hóa đơn nên cần xử nghiêm hơn các bị cáo khác; bị cáo Hà Thị Thúy K có vai trò giúp sức cho bị cáo Lưu Văn T nên cần xem xét xử nhẹ hơn. Bị cáo Võ Thị Ngọc L có vai trò độc lập phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình nhưng có thêm 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xử phạt ngang bằng với bị cáo K là phù hợp.

Do các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và có công việc ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phạt tù mà xử phạt bằng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về tình tiết liên quan đến vụ án:

- Đối với công ty TNHH CT do ông NC (*sinh năm: 1967 làm Giám đốc*) và bà Lê Thị T (*sinh năm: 1972 làm phó giám đốc; cùng trú tổ dân phố Thuận An, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn*). Võ Thị Ngọc L là kế toán phụ trách việc bán hàng, xuất hóa đơn, quá trình L xuất hóa đơn thì không báo cho bà T biết (bà T được ông C giao nhiệm vụ quản lý, điều hành). Bà T chỉ quản lý, cân đối hàng hóa đầu vào và đầu ra chứ không trực tiếp kiểm tra xuất hóa đơn cho ai, khi xuất hàng thì có phiếu bán hàng. Do vậy, việc ký hóa đơn xuất của ông C là do tin tưởng L chứ không biết được việc L xuất bán trái phép hóa đơn. Các hóa đơn trên có được là xuất phát từ việc một số cá nhân mua hàng nhưng không lấy hóa đơn nên đã làm dư ra một lượng hóa đơn, từ đây L đã lợi dụng để xuất khống hóa đơn. Do đó, HĐXX không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn C và bà Lê Thị T về hành vi “Mua bán trái phép hóa đơn” nên không đề cập.

- Đối với công ty TNHH NĐC có trụ sở tại xã ĐM, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ban đầu, Hà Thị Thúy K khai có mua trái phép 11 hóa đơn của công ty TNHH NĐC. Tuy nhiên, sau đó K đã kiểm tra sổ sách, chứng từ thì 11 hóa đơn K khai cũng như toàn bộ hóa đơn mua của công ty TNHH NĐC đều có hàng hóa thực tế. Ngoài ra, qua làm việc với kế toán, thủ kho của công ty TNHH NĐC thì xác định có việc mua bán hàng hóa thực tế và không có hành vi mua bán hóa đơn trái phép. Do vậy, lời khai ban đầu của K là không đúng. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, Hà Thị Thúy K còn khai có mua 02 hóa đơn của công ty TNHH PNH, có trụ sở tại xã ĐP, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam. Tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế tại công ty TNHH PNH cũng như xét hỏi tại phiên tòa thì hai hóa đơn trên có hàng hóa thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập.



[6]. Về xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan: Số tiền 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) và 37.505.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) do bị cáo L, T và K thu lợi từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép nên căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước là đúng pháp luật.

[7]. Xét đề nghị áp dụng pháp luật, mức hình phạt và các vấn đề khác của vị đại diện VKS phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[8]. Các bị cáo Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Các bị cáo Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

1. Đối với bị cáo: Lưu Văn T:

Căn cứ khoản 1 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Lưu Văn T 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

2. Đối với bị cáo: Hà Thị Thúy K:

Căn cứ khoản 1 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Hà Thị Thúy K 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Đối với bị cáo Võ Thị Ngọc L:

Căn cứ khoản 1 Điều 203; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Võ Thị Ngọc L 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) do bị cáo Võ Thị Ngọc L nộp lại số tiền thu lợi bất chính tại Biên lai thu số 0002018 ngày 20/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn; và 37.505.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng*) do bị cáo Lưu Văn T nộp lại số tiền hưởng lợi từ hành vi mua bán hóa đơn tại Biên lai thu số 0002014 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội các bị cáo Lưu Văn T, Hà Thị Thúy K và Võ Thị Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Nông Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Các bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Tam**